

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1246/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAMME):	CỬ NHÂN KẾ TOÁN (BACHELOR OF ACCOUNTING)/ CHUYÊN SÂU KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	KẾ TOÁN (ACCOUNTING)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340301
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh, và chính trị - xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và phân tích; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán (doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính trung gian); có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Cán bộ kế toán, tài chính, kiểm toán và thuế trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các ngân hàng thương mại, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; Tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán, kiểm toán tại các Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

- *Trình độ ngoại ngữ và tin học:* đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA (theo Thông tư 07/2015)

2.1. Kiến thức: Cử nhân Kế toán được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội và nhân văn; những kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kế toán và kiểm toán trong các loại hình đơn vị kế toán, kiểm toán (doanh nghiệp, đơn vị dự toán, tổ chức tài chính trung gian, công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán...), có ý thức và trình độ chuyên môn để tối đa hóa lợi ích của đơn vị kế toán trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

2.2. Kỹ năng: Cử nhân Kế toán có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cử nhân Kế toán có đạo đức, trung thực, bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về kế toán, kiểm toán và phân tích; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

2.4. Về ngoại ngữ và tin học

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương IELTS 5.5 (được ban hành và công bố theo Quyết định số 101/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/01/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

- Chuẩn đầu ra tin học tương đương IC3 (Máy tính căn bản 650 điểm; Phần mềm máy tính 720 điểm; Kết nối trực tuyến 620 điểm) hoặc ICDL (phần cơ bản) (được ban hành và công bố theo Quyết định số 777/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/6/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:**

Thời gian đào tạo 4 năm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Khối lượng (Tín chỉ)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	43	
1.1. Các học phần chung	19	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	Trường quy định bắt buộc
1.3. Các học phần của ngành	12	Viện tự chọn từ tổ hợp của Trường quy định
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	87	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	12	
2.2. Kiến thức ngành	47	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	32	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	130	Không kể GDQP&AN và GDTC

7.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (NGÀNH KẾ TOÁN - Kế toán)		MÃ HP/BM	SỐ TC	BỐ TRÍ CÁC HỌC KỲ								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
Tổng số tín chỉ				130	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				43									
<i>1.1. Các học phần chung</i>				19									
1	1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1 Principles of Maxism-Leninism 1	LLNL1103	2	2								
2	2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2 Principles of Maxism-Leninism 2	LLNL1104	3		3							
3	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2				2					
4	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam Political revolution roadmap of the Communist Party of Vietnam	LLDL1101	3								3	
5	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	3	3	3						
		Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4									
		Giáo dục quốc phòng và an ninh Military Education	GDQP	8									
<i>1.2. Các học phần của Trường</i>				12									
6	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	3								
7	2	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	3								
8	3	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	3								
9	4	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3					3				
<i>1.3. Các học phần của ngành</i>				12									
10	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Admistration	QTTH1102	3		3							
11	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 Monetary and Financial Theories	NHLT 1101	3				3					
12	3	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3				3					
13	4	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economic and Business	TKKD1129	3					3				
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				87									
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>				12									
14	1	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3				3					
15	2	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	KTTC1106	3					3				
16	3	Kế toán quản trị 1 Managerial Accounting 1	KTQT1103	3					3				

17	4	Kế toán công Accounting for Public Sector	KTKE1103	3			3				
2.2 Kiến thức ngành											
2.2.1 Các học phần bắt buộc											
18	1	Kế toán quốc tế International Accounting	KTKE1108	3			3				
19	2	Kế toán quản trị 2 Managerial Accounting 2	KTQT1106	3			3				
20	3	Kế toán tài chính 2 Financial Accounting 2	KTTC1107	3					3		
21	4	Kiểm toán tài chính 1 Financial Audit 1	KTKI1108	3						3	
22	5	Phân tích báo cáo tài chính Financial Statement Analysis	KTTC1111	3					3		
23	6	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3			3				
24	7	Kế toán công ty Company Accounting	KTTC1113	3							
25	8	Hệ thống thông tin kế toán Accounting Information Systems	KTHT1103	3						3	
26	9	Kế toán tài chính 3 Financial Accounting 3	KTTC1114	3					3		
27	10	Kiểm toán căn bản Basic Auditing	KTKI1101	3						3	
28	11	Đề án môn học - Kế toán Essay on Accounting	KTTC1102	2						2	
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp sau)											
29 30 31 32 33	1	Lịch sử kinh tế Economic History	KHEH1105	3							
	2	Thẩm định dự án đầu tư Investment Project Appraisal	DTKT1170	3							
	3	Kế toán dự án đầu tư Investment Project Accounting	KTKE1107	3							
	4	Pháp luật kinh doanh Business Law	LUKD1118	3							
	5	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3							
	6	Tiếng Anh ngành kế toán English for Accounting	KTTC1112	3							
	7	Tài chính quốc tế International Finance	NHQT1117	3							
	8	Thanh toán quốc tế International Settlement	NHQT1112	3							
2.3 Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 06 học phần trong tổ hợp sau)											
	1	Kế toán ngân hàng Accounting for Banking	NHTM1107	3							
	2	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3							

34	3	Quản trị tài chính Financial Management	NHTC1102	3													
35	4	Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3													
36	5	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3													
37	6	Thuế Taxation	NHCO1111	3													
38	7	Ngân hàng thương mại Commercial Bank	NHTM1121	3													
39	8	Kiểm soát quản lý Management Control	KTKI1105	3													
	9	Thị trường chứng khoán Stock Market	NHCK1117	3													
40	2.4. Chuyên đề thực tập (Internship Programme)		KTTC1101	10													10
Đạt Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và GDQP & AN, GDTC theo quy định của Trường																	

8. Hướng dẫn thực hiện

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ. Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký. Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế.

- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

(đã ký)

PGS.TS NGUYỄN HỮU ÁNH

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS PHẠM HỒNG CHƯƠNG